

QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN Y TẾ BÀN VIỆT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013



QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN Y TẾ BẢN VIỆT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin chung về Quỹ	1
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	2
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ	3
Báo cáo kiểm toán	4
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B01 - QĐT)	6
Báo cáo kết quả hoạt động (Mẫu số B02 - QĐT)	7
Báo cáo tài sản (Mẫu số B05 - QĐT)	8
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng (Mẫu số B06 - QĐT)	9
Báo cáo danh mục đầu tư (Mẫu số B07 - QĐT)	10
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B04 - QĐT)	12

QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN Y TẾ BÀN VIỆT

THÔNG TIN CHUNG

Giấy chứng nhận
đăng ký thành lập

08/TB-UBCK ngày 15 tháng 1 năm 2008

Giấy chứng nhận Đăng ký thành lập do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và có giá trị trong sáu năm. Công văn điều chỉnh lần thứ nhất số 8202/UBCK-QLQ ngày 27 tháng 12 năm 2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp về việc gia hạn thời gian hoạt động của Quỹ đến ngày 15 tháng 1 năm 2016.

Ban Đại diện Quỹ

Ông Phan Thanh Hải
Ông Trương Hoàng Lương
Ông Trần Phát Minh
Bà Đặng Tố Loan

Chủ tịch
Thành viên (từ nhiệm ngày 24 tháng 7 năm 2013)
Thành viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 7 năm 2013)
Thành viên

Công ty Quản lý Quỹ

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Ngân hàng giám sát

Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)

Trụ sở đăng ký

Phòng 1902, Centec Tower, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Kiểm toán viên

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)

QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN Y TẾ BẢN VIỆT

TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt ("Công ty Quản lý Quỹ") chịu trách nhiệm đối với các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt ("Quỹ") tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và kết quả hoạt động cho năm tài chính kết thúc tại ngày nêu trên. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám Đốc của Công ty Quản lý Quỹ được yêu cầu phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập các báo cáo tài chính trên cơ sở giải thể Quỹ.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Quỹ với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính. Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Quỹ và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính đính kèm từ trang [6] đến trang [26]. Các báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và kết quả hoạt động của Quỹ cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài Chính ban hành về chế độ kế toán Quỹ đầu tư chứng khoán, Thông tư 224/2012/TT- BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Giám Đốc của Công ty Quản lý Quỹ



Nguyễn Khánh Linh
Tổng Giám đốc
Ngày 15 tháng 1 năm 2014

QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN Y TẾ BÀN VIỆT

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính đính kèm từ trang [6] đến trang [26]. Các báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và kết quả hoạt động của Quỹ cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài Chính ban hành về chế độ kế toán Quỹ đầu tư chứng khoán, Thông tư 224/2012/TT- BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ

Phan Thanh Hải
Chủ tịch
Ngày 15 tháng 1 năm 2014





BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC THÀNH VIÊN CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN Y TẾ BÀN VIỆT

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt ("Quỹ") được phê duyệt ngày 15 tháng 1 năm 2014. Các báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán, báo cáo tài sản, báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 6 đến trang 26.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ đối với các báo cáo tài chính

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt ("Công ty Quản lý Quỹ") chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Quỹ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài Chính ban hành về chế độ kế toán Quỹ đầu tư chứng khoán, Thông tư 224/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Quỹ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC THÀNH VIÊN CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN Y TẾ BÀN VIỆT

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt ("Quỹ") được phê duyệt ngày 15 tháng 1 năm 2014. Các báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán, báo cáo tài sản, báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 6 đến trang 26.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ đối với các báo cáo tài chính

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt ("Công ty Quản lý Quỹ") chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Quỹ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài Chính ban hành về chế độ kế toán Quỹ đầu tư chứng khoán, Thông tư 224/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Quỹ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Quý tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động của Quý trong năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài Chính ban hành về chế độ kế toán Quý đầu tư chứng khoán, Thông tư 224/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quý đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần lưu ý

Mặc dù không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của các báo cáo tài chính về việc các nhà đầu tư của Quý đã đồng ý và phê chuẩn việc gia hạn thời gian hoạt động của Quý tới đa hai (02) năm kể từ ngày 15 tháng 1 năm 2014 (ngày hết hạn ban đầu của Quý) để Quý có thể hoàn tất việc thanh lý toàn bộ tài sản và giải thể Quý. Quyết định này cho phép Quý có thể thanh lý và giải thể tại bất kỳ thời điểm nào trong vòng hai (02) năm gia hạn này. Điều này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu về khả năng hoạt động liên tục của Quý.

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)



Đặng Quốc Tuấn
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0620-2013-006-1



Đào Quang Huy
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
1895-2013-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM3854
TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 1 năm 2014

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 cho các báo cáo tài chính, các báo cáo tài chính kèm theo là không nhằm thể hiện tình hình tài chính, kết quả hoạt động theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và cách thực hành kế toán Việt Nam.

QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN Y TẾ BÀN VIỆT

Mẫu số B01 - QĐT

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	A.	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
				2013 VNĐ	2012 VNĐ
110	1.	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	266.497.284.756	150.067.645.622
120	2.	Đầu tư chứng khoán	4	316.711.593.200	359.220.305.547
121	3.	Đầu tư khác	5	13.000.000.000	-
130	4.	Phải thu từ hoạt động đầu tư	6	2.774.122.223	1.711.108.771
200		TỔNG TÀI SẢN		598.983.000.179	510.999.059.940
	B.	NGUỒN VỐN			
300	I.	NỢ PHẢI TRẢ		9.404.915.535	1.708.012.867
311	2.	Phải trả cho hoạt động đầu tư	7	-	544.014.800
314	4.	Phải trả phụ cấp Ban Đại diện Quỹ	12	45.048.000	97.929.600
315	5.	Phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát	8	8.178.369.535	894.525.371
318	6.	Phải trả khác	9	1.181.498.000	171.543.096
400	II.	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	10	589.578.084.644	509.291.047.073
410	1.	Vốn góp của các thành viên quỹ		492.500.000.000	492.500.000.000
		<i>Trong đó:</i>			
411	1.1	Vốn góp		500.000.000.000	500.000.000.000
412	1.2	Chiết khấu cổ phần		(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
420	2.	Kết quả hoạt động chưa phân phối		97.078.084.644	16.791.047.073
430		TỔNG NGUỒN VỐN		598.983.000.179	510.999.059.940

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chứng khoán theo mệnh giá	151.617.630.000	188.739.550.000
---------------------------	-----------------	-----------------

Ngân hàng Giám sát và
Xác nhận bởi:



Lê Thị Thành Tâm
Giám Đốc Dịch Vụ Quản Lý Quỹ
Bộ Phận Dịch Vụ Chứng Khoán HSBC

Ngân hàng TNHH một thành viên
HSBC (Việt Nam)
Ngày 15 tháng 1 năm 2014

Công ty Quản lý Quỹ

Lập bởi:  Phê duyệt bởi: 



Khuê Thị Kiều
Kế toán trưởng
Công ty Cổ phần
Quản lý Quỹ Đầu tư
Chứng khoán Bản Việt
Ngày 15 tháng 1 năm 2014

Nguyễn Khánh Linh
Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần
Quản lý Quỹ Đầu tư
Chứng khoán Bản Việt
Ngày 15 tháng 1 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 26 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12	
		2013 VNĐ	2012 VNĐ
A. XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐÃ THỰC HIỆN			
10	I. Thu nhập từ hoạt động đầu tư đã thực hiện	50.923.537.062	43.229.990.465
11	1. Cổ tức được nhận	11.062.621.100	20.450.741.340
13	3. Lãi tiền gửi	16.796.387.400	18.782.776.161
14	4. Lãi từ bán chứng khoán	18.064.528.562	3.996.472.964
15	5. Thu nhập khác	5.000.000.000	-
30	II. Chi phí	(20.229.037.329)	(12.086.089.285)
31	1. Phí quản lý quỹ và thường hoạt động	(18.479.866.570)	(10.135.335.769)
32	2. Phí giám sát, quản lý tài sản quỹ	(612.372.877)	(554.136.297)
33	3. Chi phí họp, đại hội	(28.446.500)	(27.067.425)
34	4. Chi phí kiểm toán	(257.906.904)	(276.790.493)
35	5. Chi phí tư vấn	(55.000.000)	(378.578.500)
38	6. Phí và chi phí khác	(795.444.478)	(714.180.801)
50	III. Kết quả hoạt động ròng đã thực hiện trong năm	30.694.499.733	31.143.901.180
B. XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CHƯA THỰC HIỆN			
60	I. Thu nhập	63.075.036.894	29.439.910.145
61	1. Thu nhập đánh giá các khoản đầu tư chứng khoán	63.075.036.894	29.439.910.145
70	II. Chi phí	(13.482.499.056)	(35.813.363.248)
71	1. Lỗ do đánh giá các khoản đầu tư chứng khoán	(13.482.499.056)	(35.813.363.248)
80	III. Kết quả hoạt động chưa thực hiện cuối năm	49.592.537.838	(6.373.453.103)
90	Kết quả hoạt động trong năm	80.287.037.571	24.770.448.077

Ngân hàng Giám sát
Xác nhận bởi:



Ngân hàng TNHH một thành viên
HSBC (Việt Nam)
Ngày 15 tháng 1 năm 2014

Công ty Quản lý Quỹ

Lập bởi:

(Signature)

Khúc Thị Kiều
Kế toán trưởng
Công ty Cổ phần
Quản lý Quỹ Đầu tư
Chứng khoán Bản Việt
Ngày 15 tháng 1 năm 2014

Phê duyệt bởi:



Nguyễn Khánh Linh
Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần
Quản lý Quỹ Đầu tư
Chứng khoán Bản Việt
Ngày 15 tháng 1 năm 2014

BÁO CÁO TÀI SẢN

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2013 VNĐ	2012 VNĐ
1.	Tiền	3	266.497.284.756	150.067.645.622
2.	Các khoản đầu tư	4	316.711.593.200	359.220.305.547
2.2.1	Cổ phiếu niêm yết		159.120.534.700	153.878.615.000
2.2.1	Cổ phiếu chưa niêm yết		157.591.058.500	205.341.690.547
3.	Đầu tư khác	5	13.000.000.000	-
4.	Cổ tức được nhận	6	374.100.000	-
5.	Lãi được nhận	6	2.400.022.223	671.111.111
6.	Tiền bán chứng khoán phải thu	6	-	1.039.997.660
Tổng tài sản			598.983.000.179	510.999.059.940
7.	Tiền phải thanh toán mua chứng khoán		-	(544.014.800)
8.	Các khoản phải trả khác		(9.404.915.535)	(1.163.998.067)
Tổng nợ			(9.404.915.535)	(1.708.012.867)
Giá trị tài sản ròng của Quỹ			589.578.084.644	509.291.047.073
9.	Tổng số đơn vị quỹ		5.000	5.000
10.	Giá trị tài sản ròng trên mỗi chứng chỉ quỹ		117.915.617	101.858.209



Lê Thị Thành Tâm

Giám Đốc Dịch Vụ Quản Lý Quỹ
Bộ Phận Dịch Vụ Chứng Khoán HSBC

Ngân hàng TNHH một thành viên
HSBC (Việt Nam)
Ngày 15 tháng 1 năm 2014

Công ty Quản lý Quỹ

Lập bởi:

[Handwritten signature]

Khúc Thị Kiều
Kế toán trưởng
Công ty Cổ phần
Quản lý Quỹ Đầu tư
Chứng khoán Bản Việt
Ngày 15 tháng 1 năm 2014

Phê duyệt bởi:



Nguyễn Khánh Linh
Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần
Quản lý Quỹ Đầu tư
Chứng khoán Bản Việt
Ngày 15 tháng 1 năm 2014

BÁO CÁO TÀI SẢN

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2013 VNĐ	2012 VNĐ
1.	Tiền	3	266.497.284.756	150.067.645.622
2.	Các khoản đầu tư	4	316.711.593.200	359.220.305.547
2.2.1	Cổ phiếu niêm yết		159.120.534.700	153.878.615.000
2.2.1	Cổ phiếu chưa niêm yết		157.591.058.500	205.341.690.547
3.	Đầu tư khác	5	13.000.000.000	-
4.	Cổ tức được nhận	6	374.100.000	-
5.	Lãi được nhận	6	2.400.022.223	671.111.111
6.	Tiền bán chứng khoán phải thu	6	-	1.039.997.660
	Tổng tài sản		598.983.000.179	510.999.059.940
7.	Tiền phải thanh toán mua chứng khoán		-	(544.014.800)
8.	Các khoản phải trả khác		(9.404.915.535)	(1.163.998.067)
	Tổng nợ		(9.404.915.535)	(1.708.012.867)
	Giá trị tài sản ròng của Quỹ		589.578.084.644	509.291.047.073
9.	Tổng số đơn vị quỹ		5.000	5.000
10.	Giá trị tài sản ròng trên mỗi chứng chỉ quỹ		117.915.617	101.858.209



Lê Thị Thành Tâm

Giám Đốc Dịch Vụ Quản Lý Quỹ
Bộ Phận Dịch Vụ Chứng Khoán HSBC

Ngân hàng TNHH một thành viên
HSBC (Việt Nam)
Ngày 15 tháng 1 năm 2014

Công ty Quản lý Quỹ

Lập bởi:

[Signature]

Khúc Thị Kiều
Kế toán trưởng
Công ty Cổ phần
Quản lý Quỹ Đầu tư
Chứng khoán Bản Việt
Ngày 15 tháng 1 năm 2014

Phê duyệt bởi:



Nguyễn Khánh Linh
Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần
Quản lý Quỹ Đầu tư
Chứng khoán Bản Việt
Ngày 15 tháng 1 năm 2014

QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN Y TẾ BẢN VIỆT

Mẫu số B06 - QĐT

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Mã số	Chi tiêu	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2013 VNĐ	2012 VNĐ
I.	Giá trị tài sản ròng đầu năm	509.291.047.073	484.520.598.996
II.	Thay đổi giá trị tài sản ròng trong năm	80.287.037.571	24.770.448.077
	<i>Trong đó:</i>		
	Thay đổi giá trị tài sản ròng do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong năm	80.287.037.571	24.770.448.077
III.	Giá trị tài sản ròng cuối năm	589.578.084.644	509.291.047.073

Ngân hàng Giám sát
Xác nhận bởi
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MỘT THÀNH VIÊN
HSBC
(VIỆT NAM)
Lê Thị Thành Tâm
Lê Thị Thành Tâm
Giám Đốc Dịch Vụ Quản Lý Quỹ
Bộ Phận Dịch Vụ Chứng Khoán HSBC

Ngân hàng TNHH một thành viên
HSBC (Việt Nam)
Ngày 15 tháng 1 năm 2014

Lập bởi:

Khúc Thị Kiều

Khúc Thị Kiều
Kế toán trưởng
Công ty Cổ phần
Quản lý Quỹ Đầu tư
Chứng khoán Bản Việt
Ngày 15 tháng 1 năm 2014

Công ty Quản lý Quỹ

Được duyệt bởi:

S. O. Đ. 38 C. T. C. P
CÔNG TY
CỔ PHẦN
QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ
CHỨNG KHOÁN
BẢN VIỆT
Nguyễn Khánh Linh

Nguyễn Khánh Linh
Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần
Quản lý Quỹ Đầu tư
Chứng khoán Bản Việt
Ngày 15 tháng 1 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 26 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN Y TẾ BẢN VIỆT

Mẫu số B07 - QĐT

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

STT	Chi tiết	Số lượng cổ phiếu	Giá thị trường VNĐ	Tổng giá trị VNĐ	Tỷ lệ (%)/ Tổng giá trị tài sản hiện tại của Quỹ %
I.	Cổ phiếu niêm yết			159.120.534.700	27.56%
1	Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Giáo dục Đà Nẵng (DAD)	107.000	17.800	1.904.600.000	0,32%
2	Công ty Cổ phần Dược phẩm Hậu Giang (DHG)	688.421	114.000	78.479.994.000	13,10%
3	Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế Domesco (DMC)	7	47.300	331.100	0,00%
4	Công ty Cổ phần Sách Giáo Dục tại TP Hà Nội (EBS)	320.000	8.400	2.688.000.000	0,45%
5	Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục (EFI)	558.000	6.600	3.682.800.000	0,61%
6	Công ty Cổ phần Giáo dục và Đầu tư Hà Nội (EID)	100.000	14.400	1.440.000.000	0,24%
7	Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm (IMP)	4	37.300	149.200	0,00%
8	Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật (JVC)	1.469.108	18.300	26.884.676.400	4,49%
9	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC (OPC)	616.856	64.000	39.478.784.000	6,59%
10	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển giáo dục Phương Nam (SED)	159.900	18.000	2.878.200.000	0,48%
11	Công ty Cổ phần Sách và thiết bị trường học TP Hồ Chí Minh (STC)	110.000	15.300	1.683.000.000	0,28%
II.	Cổ phiếu chưa niêm yết			157.591.058.500	26.30%
1	Công ty Cổ phần Armephaco	1.000.000	14.100	14.100.000.000	2,35%
2	Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bidiphar 1	1.281.744	18.000	23.071.392.000	3,85%
3	Công ty Cổ phần trường Tiểu học - Trung học cơ sở - Trung học phổ thông quốc tế Canada	1.170.000	18.400	21.528.000.000	3,59%
4	Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa Khoa Hoàn Mỹ Đà Nẵng	1.129.250	15.400	17.390.450.000	2,90%
5	Công ty Cổ phần E-Study School	379.500	13.905	5.277.000.000	0,88%
6	Công ty Cổ phần Dược phẩm Năm Tốt	468.000	10.000	4.680.000.000	0,78%
7	Bệnh viện Hạnh Phúc	3.000.000	10.000	30.000.000.000	5,01%
8	Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học - Dược phẩm ICA	1.368.973	10.500	14.374.216.500	2,40%
9	Công ty Cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức	1.235.000	22.000	27.170.000.000	4,54%

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 26 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

**BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

STT	Chi tiết	Số lượng cổ phiếu	Giá thị trường VNĐ	Tổng giá trị VNĐ	Tỷ lệ (%)/ Tổng giá trị tài sản hiện tại của Quỹ %
I.	Cổ phiếu niêm yết			159.120.534.700	27.56%
1	Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Giáo dục Đà Nẵng (DAD)	107.000	17.800	1.904.600.000	0,32%
2	Công ty Cổ phần Dược phẩm Hậu Giang (DHG)	688.421	114.000	78.479.994.000	13,10%
3	Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế Domesco (DMC)	7	47.300	331.100	0,00%
4	Công ty Cổ phần Sách Giáo Dục tại TP Hà Nội (EBS)	320.000	8.400	2.688.000.000	0,45%
5	Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục (EFI)	558.000	6.600	3.682.800.000	0,61%
6	Công ty Cổ phần Giáo dục và Đầu tư Hà Nội (EID)	100.000	14.400	1.440.000.000	0,24%
7	Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm (IMP)	4	37.300	149.200	0,00%
8	Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật (JVC)	1.469.108	18.300	26.884.676.400	4,49%
9	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC (OPC)	616.856	64.000	39.478.784.000	6,59%
10	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển giáo dục Phương Nam (SED)	159.900	18.000	2.878.200.000	0,48%
11	Công ty Cổ phần Sách và thiết bị trường học TP Hồ Chí Minh (STC)	110.000	15.300	1.683.000.000	0,28%
II.	Cổ phiếu chưa niêm yết			157.591.058.500	26.30%
1	Công ty Cổ phần Armephaco	1.000.000	14.100	14.100.000.000	2,35%
2	Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bidiphar 1	1.281.744	18.000	23.071.392.000	3,85%
3	Công ty Cổ phần trường Tiểu học - Trung học cơ sở - Trung học phổ thông quốc tế Canada	1.170.000	18.400	21.528.000.000	3,59%
4	Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa Khoa Hoàn Mỹ Đà Nẵng	1.129.250	15.400	17.390.450.000	2,90%
5	Công ty Cổ phần E-Study School	379.500	13.905	5.277.000.000	0,88%
6	Công ty Cổ phần Dược phẩm Năm Tốt	468.000	10.000	4.680.000.000	0,78%
7	Bệnh viện Hạnh Phúc	3.000.000	10.000	30.000.000.000	5,01%
8	Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học - Dược phẩm ICA	1.368.973	10.500	14.374.216.500	2,40%
9	Công ty Cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức	1.235.000	22.000	27.170.000.000	4,54%

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 26 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

**BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013
(tiếp theo)**

STT	Chi tiết	Số lượng cổ phiếu	Giá thị trường VNĐ	Tỷ lệ (%) / Tổng giá trị tài sản hiện tại	
				Tổng giá trị VNĐ	của Quỹ %
III.	Đầu tư khác			13.000.000.000	2,17%
IV.	Phải thu từ hoạt động đầu tư			2.774.122.223	0,46%
1.	Cổ tức được nhận			374.100.000	
2.	Lãi được nhận			2.400.022.223	
3.	Phải thu bán chứng khoán			-	
V.	Tiền			266.497.284.756	44,49%
1.	Tiền gửi ngân hàng			266.497.284.756	
VI.	Tổng giá trị danh mục			598.983.000.179	100%

Ngân hàng Giám sát
Xác nhận bởi



Lê Thị Thành Tâm

Giám Đốc Dịch Vụ Quản Lý Quỹ
Bộ Phận Dịch Vụ Chứng Khoán HSBC

Ngân hàng TNHH một thành viên
HSBC (Việt Nam)

Ngày 15 tháng 1 năm 2014

Công ty Quản lý Quỹ

Lập bởi:

Khúc Thị Kiều
Kế toán trưởng
Công ty Cổ phần
Quản lý Quỹ Đầu tư
Chứng khoán Bản Việt
Ngày 15 tháng 1 năm 2014

Phê duyệt bởi:



Nguyễn Khánh Linh
Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần
Quản lý Quỹ Đầu tư
Chứng khoán Bản Việt
Ngày 15 tháng 1 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt ("Quỹ") là quỹ đầu tư thành viên được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký thành lập số 08/TB-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp ngày 15 tháng 1 năm 2008. Giấy Chứng nhận đăng ký thành lập có giá trị 6 năm kể từ ngày cấp. Công văn điều chỉnh lần thứ nhất số 8202/UBCK-QLQ ngày 27 tháng 12 năm 2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp xác nhận về việc gia hạn thời gian hoạt động của Quỹ đến ngày 15 tháng 1 năm 2016.

Hoạt động chính của Quỹ là đầu tư ngắn hạn và dài hạn vào danh mục chứng khoán của các công ty Việt Nam hoạt động trong các ngành dược phẩm, bệnh viện, hệ thống y tế, máy móc và các trang thiết bị y tế và các dự án y tế ở Việt Nam.

Tổng số vốn điều lệ tối đa của Quỹ được quy định trong Điều lệ Quỹ là 5.000 tỷ đồng Việt Nam. Mỗi chứng chỉ quỹ có mệnh giá là 100 triệu đồng Việt Nam. Tổng số chứng chỉ quỹ tối đa là 50.000. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, 5.000 chứng chỉ quỹ đã được phát hành và thanh toán hết. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, Quỹ không phát hành thêm chứng chỉ quỹ nào.

Quỹ do Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt ("Công ty Quản lý Quỹ"), một công ty quản lý quỹ đầu tư được thành lập tại Việt Nam, quản lý, và được giám sát bởi Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) ("Ngân hàng Giám sát").

2. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Quỹ áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

2.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài Chính ban hành về chế độ kế toán Quỹ đầu tư chứng khoán, Thông tư 224/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Giấy chứng nhận đăng ký thành lập của Quỹ hết hạn vào ngày 15 tháng 1 năm 2014. Tại Đại hội Nhà đầu tư ngày 10 tháng 4 năm 2013, Thành viên của Quỹ đã đồng ý và phê chuẩn việc việc gia hạn thời gian hoạt động của Quỹ thêm hai (02) năm kể từ ngày 15 tháng 1 năm 2014 (ngày hết hạn ban đầu của Quỹ) để Quỹ có thể hoàn tất việc thanh lý toàn bộ tài sản và giải thể Quỹ. Quyết định này cho phép Quỹ có thể thanh lý và giải thể tại bất kỳ thời điểm nào trong vòng hai (02) năm gia hạn này.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính và kết quả hoạt động theo các nguyên tắc và thực hành kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Các nguyên tắc và thực hành kế toán sử dụng tại nước CHXHCN Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Theo Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính ban hành, các báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B01 - QĐT)
2. Báo cáo kết quả hoạt động (Mẫu số B02 - QĐT)
3. Báo cáo tài sản (Mẫu số B05 - QĐT)
4. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng (Mẫu số B06 - QĐT)
5. Báo cáo danh mục đầu tư (Mẫu số B07 - QĐT)
6. Thuyết minh các báo cáo tài chính (Mẫu số B04 - QĐT)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

2. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính là đồng Việt Nam ("VNĐ").

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được đánh giá lại theo tỷ giá áp dụng vào ngày của bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

2.4 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Quỹ sử dụng hình thức Nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kì hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba (3) tháng.

2.6 Đầu tư chứng khoán

(a) Phân loại

Quỹ phân loại các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

(b) Ghi nhận/chấm dứt ghi nhận

Việc mua và bán các khoản đầu tư được ghi nhận theo ngày thực hiện giao dịch - là ngày mà Quỹ cam kết mua hoặc bán khoản đầu tư đó. Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền nhận dòng tiền từ các khoản đầu tư đã hết hạn hoặc về bản chất Quỹ đã chuyển giao toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

(c) Ghi nhận ban đầu và đánh giá lại

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được đánh giá lại tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Việc đánh giá lại các chứng khoán niêm yết được tính căn cứ vào giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("các Sở Giao dịch Chứng khoán") vào ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Nếu một chứng khoán niêm yết không có giao dịch trong thời gian nhiều hơn hai tuần trước ngày định giá, thì giá của chứng khoán đó sẽ được xác định theo thứ tự ưu tiên như sau:

- i) giá mua trung bình tính đến thời điểm định giá;
- ii) giá trị sổ sách;
- iii) giá trị đạt được thông qua việc sử dụng các kỹ thuật định giá do Công ty Quản lý Quỹ đề nghị và được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

2. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.6 Đầu tư chứng khoán (tiếp theo)

(c) Ghi nhận ban đầu và đánh giá lại (tiếp theo)

Giá của chứng khoán chưa niêm yết được xác định như sau:

- (i) Trung bình giá giao dịch gần nhất được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán trong bảy công ty chứng khoán theo thứ tự ưu tiên như sau:
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn ("SSI")
 - Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ("BVSC")
 - Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh ("HSC")
 - Công ty TNHH Chứng khoán ACB ("ACBS")
 - Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín ("SBS")
 - Công ty Cổ phần Chứng khoán MB ("MBS")
 - Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt ("VDSC")
- (ii) Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu ba tổ chức báo giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau:
- Giá trung bình từ hai tổ chức trong bảy tổ chức báo giá,
 - Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến ngày định giá,
 - Giá mua trung bình tính đến thời điểm định giá,
 - Giá trị sổ sách,
 - Giá xác định theo phương pháp khác do Công ty Quản lý Quỹ đề nghị và được ban Đại diện Quỹ chấp nhận.
- (iii) Trường hợp chứng khoán không có giao dịch từ hai (02) năm trở lên, Công ty Quản lý Quỹ sẽ tiến hành định giá lại. Để tăng tính khách quan trong kết quả định giá, việc định giá cổ phiếu đó sẽ do ít nhất hai (02) tổ chức định giá độc lập thực hiện hoặc phương pháp định giá khác do Công ty Quản lý Quỹ đề nghị và được ban Đại diện Quỹ phê duyệt.

Theo Tờ trình số 400/2013/TT-VCAM ngày 14 tháng 6 năm 2013, Ban Đại diện Quỹ đã phê duyệt cho Quỹ sử dụng giá mua trung bình đến thời điểm định giá để tiến hành định giá đối với các chứng khoán không có giao dịch từ hai (02) năm trở lên.

2.7 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm những khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, phải thu cổ tức từ các công ty mà Quỹ đầu tư vào, lãi trái phiếu phải thu từ các nhà phát hành trái phiếu, lãi ngân hàng phải thu và các khoản phải thu khác. Các khoản phải thu được phản ánh theo giá trị ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Công ty Quản lý Quỹ tại thời điểm cuối năm.

2.8 Các khoản phải trả

Các khoản phải trả bao gồm phải trả cho hoạt động đầu tư và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

2. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.9 Thuế

Theo Thông tư 100/2004/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2004 và Thông tư 72/2006/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2006, Quỹ không phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các thành viên của Quỹ (bao gồm các pháp nhân có cư trú và không có cư trú) sẽ phải nộp thuế thu nhập trên lợi nhuận do Quỹ phân phối. Quỹ có trách nhiệm khấu trừ và kê khai khoản thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của thành viên theo mức thuế suất 20%.

Luật thuế thu nhập doanh nghiệp mới có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2009 không quy định rõ về việc kê khai thuế của các quỹ đầu tư chứng khoán trong nước. Ngày 19 tháng 8 năm 2010, Bộ Tài chính đã ban hành Công văn 10945/BTC-TCT gửi Cục thuế các tỉnh hướng dẫn thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho lợi nhuận phân phối của các quỹ đầu tư Việt Nam cho các nhà đầu tư (không phân biệt là nhà đầu tư trong nước hay nhà đầu tư nước ngoài) là 25%. Các quỹ đầu tư Việt Nam phải khấu trừ khoản thuế này trước khi chia cổ tức. Tuy nhiên, lợi nhuận phân phối từ cổ tức của các công ty Việt Nam và các loại trái phiếu thuộc diện miễn thuế sẽ không phải chịu thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 25% này.

Theo Thông tư số 123/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 7 năm 2012, nếu Thành viên Quỹ là doanh nghiệp Việt Nam và có phát sinh thu nhập khi nhận vốn đầu tư vào Quỹ được trả lại bằng tiền hoặc/và bằng cổ phiếu thì phải ghi nhận là thu nhập khác, tự kê khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

2.10 Vốn và chiết khấu cổ phần

Các chứng chỉ quỹ có quyền được nhận cổ tức được phân loại là vốn chủ sở hữu. Mỗi đơn vị quỹ có mệnh giá là 100 triệu đồng Việt Nam. Chiết khấu cổ phần thể hiện phí phát hành các đơn vị quỹ mà Quỹ đã trả cho Công ty Quản lý Quỹ trong giai đoạn từ ngày 15 tháng 1 năm 2008 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 và được ghi nhận là chiết khấu cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

2.11 Lợi nhuận trên một chứng chỉ quỹ và giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ

Lợi nhuận trên một chứng chỉ quỹ được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ của Quỹ cho số lượng chứng chỉ quỹ được trích theo phương pháp bình quân gia quyền trong năm.

Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được tính bằng cách chia tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ cho số lượng chứng chỉ quỹ tại ngày lập báo cáo tài chính.

2.12 Doanh thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Tiền lãi

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi tại ngân hàng và trái phiếu được ghi nhận vào báo cáo hoạt động trên cơ sở dự trừ khi khả năng thu lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Thu nhập cổ tức được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi quyền nhận cổ tức của Quỹ được thiết lập.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

2. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.12 Doanh thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán (tiếp theo)

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động khi nhận được thông báo giao dịch từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết), thể hiện rằng Quý đã chuyển giao toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

2.13 Cổ phiếu thường, cổ tức chia bằng cổ phiếu và quyền mua cổ phiếu

Cổ phiếu thường, cổ tức chia bằng cổ phiếu và quyền mua cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá mua ban đầu bằng không (0) và được đánh giá lại theo giá thị trường vào ngày của bảng cân đối kế toán.

2.14 Chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán theo phương pháp dự thu dự chi. Các khoản chi phí được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ các chi phí phát sinh từ hoạt động mua chứng khoán mà đã được hạch toán vào giá mua của các khoản đầu tư đó.

2.15 Dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Quý có một nghĩa vụ – pháp lý hoặc liên đới – hiện tại phát sinh từ các sự kiện đã qua; có thể đưa đến sự giảm sút những lợi ích kinh tế cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ; giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính theo các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu yếu tố thời giá của tiền tệ là quan trọng thì dự phòng được tính ở giá trị hiện tại với suất chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá theo thị trường hiện tại về thời giá của tiền tệ và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

2.16 Các bên có liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Quý hoặc chịu sự kiểm soát của Quý, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Quý. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Quý mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Quý, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, thành viên Ban đại diện Quý, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

2.17 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Quyết định 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán cho các quỹ đầu tư chứng khoán không được thể hiện trong các báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Tiền gửi không kỳ hạn (Thuyết minh 12)	9.497.284.756	15.067.645.622
Tiền gửi có kỳ hạn	257.000.000.000	135.000.000.000
	<u>266.497.284.756</u>	<u>150.067.645.622</u>

Tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 bằng đồng Việt Nam.

4 ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

Tất cả các công ty mà Quỹ đầu tư vào (niêm yết và không niêm yết) như đã đề cập trên báo cáo Danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 đều được thành lập tại Việt Nam.

Quỹ không tham gia hàng ngày vào các quyết định chính sách tài chính và hoạt động của các công ty mà Quỹ đầu tư vào. Theo đó, Quỹ không có ý định kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể đến các công ty này và do đó các khoản đầu tư của Quỹ được ghi nhận trên cơ sở được trình bày ở Thuyết minh 2.6, thay vì được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu hay hợp nhất.

	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Cổ phiếu niêm yết	159.120.534.700	153.878.615.000
Cổ phiếu chưa niêm yết	157.591.058.500	205.341.690.547
	<u>316.711.593.200</u>	<u>359.220.305.547</u>

5 ĐẦU TƯ KHÁC

Các khoản đầu tư khác là tiền gửi ngân hàng với kì hạn trên ba (3) tháng.

	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Tiền gửi có kỳ hạn	13.000.000.000	-
	<u>13.000.000.000</u>	<u>-</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

6 PHẢI THU TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Phải thu từ kinh doanh chứng khoán (*)	-	1.039.997.660
Phải thu cổ tức	374.100.000	-
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	2.400.022.223	671.111.111
	<u>2.774.122.223</u>	<u>1.711.108.771</u>

(*) Các khoản phải thu từ kinh doanh chứng khoán thể hiện số tiền phải thu từ việc bán các khoản đầu tư sẽ được thanh toán sau ba (3) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch (T+3) theo thông lệ kinh doanh chứng khoán hiện hành tại Việt Nam.

7 PHẢI TRẢ CHO HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Các khoản phải trả cho hoạt động đầu tư thể hiện số tiền phải trả từ việc mua các khoản đầu tư được thanh toán sau hai (2) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch (T+2) theo thông lệ kinh doanh chứng khoán hiện hành tại Việt Nam.

8 PHẢI TRẢ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Phải trả phí quản lý quỹ cho Công ty Quản lý Quỹ (Thuyết minh 12)	996.260.757	850.309.287
Phải trả phí giám sát và phí lưu ký cho Ngân hàng Giám sát (Thuyết minh 12)	51.805.560	44.216.084
Phí thưởng phải trả cho Công ty Quản lý quỹ (Thuyết minh 12) (*)	7.130.303.218	-
	<u>8.178.369.535</u>	<u>894.525.371</u>

(*) Quỹ trả phí thưởng hoạt động cho Công ty Quản lý Quỹ khi giá trị tài sản ròng của Quỹ tại thời điểm cuối năm vượt (i) ngưỡng 12% so với giá trị tài sản ròng tại thời điểm đầu năm và (ii) giá trị tài sản ròng cao nhất của Quỹ từ khi thành lập. Số phí thưởng được tính trên 20% của chênh lệch giữa giá trị tài sản ròng tại thời điểm cuối năm và giá trị tài sản ròng cao nhất của Quỹ từ khi thành lập.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

9 PHẢI TRẢ KHÁC

	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Phí kiểm toán	123.498.000	136.543.096
Phí tổ chức họp đại hội nhà đầu tư	40.000.000	35.000.000
Phí bảo giá cổ phiếu chưa niêm yết	18.000.000	-
Phải trả khác (*)	1.000.000.000	-
	<u>1.181.498.000</u>	<u>171.543.096</u>

(*) Bao gồm trong khoản phải trả khác là 1 tỷ đồng tiền khách hàng đặt cọc để mua cổ phiếu thuộc sở hữu của Quỹ.

10 NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp VNĐ	Chiết khấu cổ phần VNĐ	Kết quả hoạt động chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	500.000.000.000	(7.500.000.000)	16.791.047.073	509.291.047.073
Kết quả hoạt động trong năm	-	-	80.287.037.571	80.287.037.571
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	<u>500.000.000.000</u>	<u>(7.500.000.000)</u>	<u>97.078.084.644</u>	<u>589.578.084.644</u>

Tổng số vốn điều lệ tối đa của Quỹ được quy định trong Điều lệ Quỹ là 5.000 tỷ đồng Việt Nam, tương đương 50.000 chứng chỉ với mệnh giá mỗi chứng chỉ quỹ là 100 triệu đồng Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, 5.000 chứng chỉ quỹ đã được phát hành và thanh toán hết. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, Quỹ không phát hành thêm chứng chỉ quỹ nào.

Chiết khấu cổ phần thể hiện phí phát hành các đơn vị quỹ mà Quỹ đã trả cho Công ty Quản lý Quỹ trong giai đoạn từ ngày 15 tháng 1 năm 2008 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 và được ghi nhận là chiết khấu cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

Tất cả đơn vị quỹ đều có cùng các quyền, bao gồm các quyền về quyền biểu quyết, quyền hưởng cổ tức, quyền được hoàn vốn, và các quyền khác ngang nhau. Mỗi đơn vị quỹ đã phát hành và góp vốn đủ tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp thường niên của Quỹ và có quyền hưởng cổ tức mà Quỹ công bố vào từng thời điểm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

11 THU NHẬP KHÁC

Thu nhập khác là tiền thu được do khách hàng đặt cọc mua cổ phiếu thuộc sở hữu của Quỹ và không thực hiện hợp đồng.

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12	
	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Thu nhập khác	5.000.000.000	-

12 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, các giao dịch sau được thực hiện với các bên liên quan:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Phí quản lý quỹ và thường hoạt động trả cho Công ty Quản lý Quỹ (i)	18.479.866.570	10.135.335.769
Phí lưu ký và giám sát trả cho Ngân hàng giám sát (ii)	612.372.877	554.136.297
Thu nhập lãi từ tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn tại Ngân hàng giám sát (ii)	133.140.698	207.664.541
Phí môi giới chứng khoán trả cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt (iii)	220.187.010	249.292.724
Phụ cấp cho Ban Đại diện Quỹ (iv)	377.587.500	375.226.500
Thu nhập lãi từ tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng có liên quan	9.289.400.000	9.127.222.222

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, các số dư với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Phí quản lý phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ (Thuyết minh 8)	996.260.757	850.309.287
Phí thường phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ (Thuyết minh 8)	7.130.303.218	-
Phí lưu ký và giám sát phải trả cho Ngân hàng giám sát (Thuyết minh 8)	51.805.560	44.216.084
Tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng giám sát (Thuyết minh 3)	9.497.284.756	15.067.645.622
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng giám sát	69.000.000.000	-
Phải thu lãi từ tiền gửi tại Ngân hàng giám sát	70.288.889	-
Phí môi giới chứng khoán phải trả cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt	-	2.377.140
Phụ cấp phải trả cho Ban Đại diện Quỹ	45.048.000	97.929.600
Tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng có liên quan	81.000.000.000	105.000.000.000
Phải thu lãi từ tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng có liên quan	1.048.927.777	461.111.111

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

12 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

- (i) Quỹ được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt, một công ty cổ phần được thành lập theo luật pháp của nước CHXHCN Việt Nam. Theo Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ được hưởng phí quản lý Quỹ hàng năm và phí thường hoạt động. Phí quản lý Quỹ được tính hàng tháng và bằng một phần mười hai của ba phần trăm (3%) giá trị tài sản ròng của Quỹ vào ngày làm việc cuối cùng của tháng. Từ tháng 5 năm 2011, phí quản lý Quỹ được tính bằng một phần mười hai của hai phần trăm (2%) giá trị tài sản ròng của Quỹ vào ngày làm việc cuối cùng của tháng theo quy định tại thông tư 38/2011/TT-BTC ban hành ngày 16 tháng 3 năm 2011.

Quỹ trả phí thường hoạt động cho Công ty Quản lý Quỹ khi giá trị tài sản ròng của Quỹ tại thời điểm cuối năm vượt (i) ngưỡng 12% so với giá trị tài sản ròng tại thời điểm đầu năm và (ii) giá trị tài sản ròng cao nhất của Quỹ từ khi thành lập. Số phí thường được tính trên 20% của chênh lệch giữa giá trị tài sản ròng tại thời điểm cuối năm và giá trị tài sản ròng cao nhất của Quỹ từ khi thành lập. Trong năm, phí thường hoạt động mà Quỹ trả cho Công ty quản lý Quỹ là 7.130.303.218 đồng Việt Nam.

Công ty Quản lý Quỹ nắm giữ 60 chứng chỉ quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (31 tháng 12 năm 2012: 60 chứng chỉ quỹ).

- (ii) Quỹ đã chỉ định Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) làm Ngân hàng Giám sát. Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho ngân hàng giám sát một khoản phí giám sát quỹ và phí lưu ký tài sản hàng tháng bằng một phần mười hai của không phải một phần trăm (0,1%) giá trị tài sản ròng của Quỹ vào ngày làm việc cuối cùng của tháng. Theo công văn số 12354/BTC-CST ngày 15 tháng 9 năm 2010 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thi hành về luật thuế Giá trị gia tăng (GTGT), kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2010, phí giám sát thuộc đối tượng chịu thuế GTGT với mức thuế 10%.
- (iii) Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt ("Công ty Chứng khoán"), một bên liên quan của Công ty Quản lý Quỹ, là công ty chứng khoán của Quỹ từ ngày 15 tháng 1 năm 2008 (ngày thành lập). Phí môi giới phải trả Công ty Chứng khoán được tính bằng 0,15% giá trị từng giao dịch mua bán chứng khoán. Công ty Chứng khoán nắm giữ 200 chứng chỉ quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (31 tháng 12 năm 2012: 200 chứng chỉ quỹ).
- (iv) Theo điều lệ hoạt động của Quỹ, tổng mức thù lao và chi phí thanh toán cho Ban Đại diện Quỹ không vượt quá tổng ngân sách hoạt động trong năm của Ban Đại diện Quỹ đã được Đại hội Thành viên thông qua cho năm 2013 là 500 triệu đồng. Ngoài tiền phụ cấp, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong trường hợp thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích quan trọng trong hợp đồng. Phụ cấp cho Ban đại diện Quỹ được ghi nhận là chi phí của Quỹ trong báo cáo kết quả hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

13 MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT

	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
	2013 (%)	2012 (%)
I. Các chỉ số về tình hình hoạt động đầu tư		
Tỷ lệ các loại chứng khoán/Tổng giá trị tài sản	52,87%	70,30%
Tỷ lệ các loại cổ phiếu/Tổng giá trị tài sản	52,87%	70,30%
Tỷ lệ các loại cổ phiếu niêm yết/Tổng giá trị tài sản	26,57%	30,12%
Tỷ lệ các loại cổ phiếu không niêm yết/Tổng giá trị tài sản	26,30%	40,18%
Tỷ lệ tiền gửi ngân hàng/Tổng giá trị tài sản	44,49%	29,37%
Tỷ lệ đầu tư khác/Tổng giá trị tài sản	2,17%	-
Tỷ lệ thu nhập bình quân/Tổng giá trị tài sản	16,78%	7,21%
Tỷ lệ chi phí bình quân/Tổng giá trị tài sản	3,38%	2,37%
II. Các chỉ số thị trường		
Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành	5.000	5.000
Tỉ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của 10 nhà đầu tư lớn nhất cuối năm (%)	65%	65%
Giá trị tài sản ròng mỗi chứng chỉ quỹ (đồng)	117.915.617	101.858.209

14 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quỹ có nguy cơ gặp các rủi ro từ các công cụ tài chính như sau:

- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản
- Rủi ro thị trường

Danh mục đầu tư của Quỹ bao gồm chứng khoán niêm yết, chứng khoán chưa niêm yết và tiền gửi ngân hàng. Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ được có toàn quyền trong việc quản lý tài sản của Quỹ theo đúng mục tiêu đầu tư của Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát giám sát việc tuân thủ phân bổ các tài sản và cơ cấu danh mục đầu tư theo cơ sở hàng tháng. Trong trường hợp danh mục đầu tư khác với mục tiêu phân bổ tài sản, Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ cân bằng lại danh mục đầu tư theo đúng mục tiêu đã định.

(a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Quỹ phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký kết với Quỹ. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư.

Tất cả các khoản tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn được gửi tại các tổ chức tín dụng mà Quỹ cho là sẽ không có bất kỳ khoản tổn thất nào phát sinh từ việc vi phạm của các tổ chức tín dụng này.

Chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết của Quỹ chỉ được giao dịch tại hoặc phải tuân theo các luật định của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội hoặc với các bên đối tác có chỉ số tín dụng được qui định. Tất cả các hoạt động giao dịch đối với chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được thanh toán hoặc chi trả vào lúc giao chứng khoán thông qua các nhà môi giới đã được chấp thuận. Rủi ro không trả nợ được xem là rất nhỏ do việc chuyển giao chứng khoán chỉ được thực hiện khi nhà môi giới nhận được tiền thanh toán. Việc thanh toán mua chỉ được thực hiện khi nhà môi giới đã nhận được chứng khoán. Nếu một trong các bên không thể thực hiện nghĩa vụ của mình, giao dịch mua bán được xem như không thành công.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

14 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a) Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư bao gồm các khoản phải thu từ kinh doanh chứng khoán, phải thu lãi từ tiền gửi ngân hàng và phải thu từ cổ tức. Các khoản phải thu từ kinh doanh chứng khoán phản ánh các giao dịch bán đang chờ thanh toán. Rủi ro tín dụng liên quan đến các giao dịch chưa thanh toán được xem là rất nhỏ do thời hạn thanh toán ngắn. Công ty Quản lý Quỹ tin rằng không cần thiết phải lập dự phòng cho các khoản nợ phải thu khó đòi tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa mà Quỹ có thể gặp phải bằng với giá trị ghi sổ của tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư.

(b) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Quỹ sẽ gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ phải trả tài chính mà các khoản nợ này sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Quỹ là đảm bảo Quỹ luôn có đủ một lượng tiền mặt nhằm để đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn.

Tài sản tài chính của Quỹ bao gồm chứng khoán niêm yết và chứng khoán chưa niêm yết. Chứng khoán chưa niêm yết thường không có tính thanh khoản. Các khoản đầu tư của Quỹ vào chứng khoán niêm yết được xem là có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt vì được giao dịch trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Do đó, Quỹ có thể dễ dàng chuyển đổi các khoản đầu tư của Quỹ thành tiền mặt kịp thời nhằm đáp ứng các nhu cầu thanh khoản của Quỹ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và 2012 thời gian đáo hạn còn lại dựa theo hợp đồng của các khoản nợ phải trả tài chính như sau:

	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1 đến 2 năm VNĐ	Từ 2 đến 5 năm VNĐ
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013			
Phải trả phụ cấp Ban Đại diện Quỹ	45.048.000	-	-
Phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát	8.178.369.535	-	-
Các khoản phải trả khác	1.181.498.000	-	-
	<u>9.404.915.535</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012			
Phải trả cho các hoạt động đầu tư	544.014.800	-	-
Phải trả phụ cấp Ban Đại diện Quỹ	97.929.600	-	-
Phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát	894.525.371	-	-
Các khoản phải trả khác	171.543.096	-	-
	<u>1.708.012.867</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

Tại ngày lập báo cáo tài chính, Quỹ không có các khoản nợ liên quan đến công cụ tài chính phái sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

14 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà lợi nhuận của Quỹ hoặc giá trị của các công cụ tài chính do Quỹ nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng do những thay đổi của giá trị thị trường như thay đổi về lãi suất, tỷ giá hối đoái và giá thị trường.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Quỹ sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ là rất nhỏ vì tất cả các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá ba (3) tháng.

Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Quỹ bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Quỹ không bị ảnh hưởng bởi rủi ro tiền tệ do các tài sản và các khoản nợ của Quỹ là có gốc tiền tệ là tiền Đồng cũng là đơn vị tiền tệ kế toán của Quỹ.

Rủi ro giá thị trường

Rủi ro giá thị trường là rủi ro mà giá trị của công cụ tài chính bị sụt giảm do sự thay đổi của chỉ số chứng khoán và giá trị của từng loại chứng khoán.

Quỹ đầu tư vào chứng khoán niêm yết, chứng khoán chưa niêm yết, trái phiếu chuyển đổi mà các chứng khoán này sẽ bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro giá thị trường bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được qui định.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, nếu giá các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết tăng/giảm 10% (2012: 10%) trong khi tất cả các biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, thì Nguồn vốn của Quỹ sẽ cao hơn/thấp hơn 31.671.159.320 đồng (2012: 35.922.030.555 đồng) tương ứng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

14 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(d) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của Quý:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31.12.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ	31.12.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ để kinh doanh				
- Cổ phiếu niêm yết	159.120.534.700	153.878.615.000	159.120.534.700	153.878.615.000
- Cổ phiếu chưa niêm yết	157.591.058.500	205.341.690.547	157.591.058.500	205.341.690.547
- Đầu tư khác	13.000.000.000	-	13.000.000.000	-
Các khoản phải thu khác				
- Phải thu từ kinh doanh chứng khoán	-	1.039.997.660	-	1.039.997.660
- Các khoản cổ tức phải thu	374.100.000	-	374.100.000	-
- Các khoản phải thu khác	2.400.022.223	671.111.111	2.400.022.223	671.111.111
Tiền gửi ngân hàng	266.497.284.756	150.067.645.622	266.497.284.756	150.067.645.622
Tổng cộng	598.983.000.179	510.999.059.940	598.983.000.179	510.999.059.940
Nợ tài chính				
Phải trả cho kinh doanh chứng khoán				
Phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát	-	544.014.800	-	544.014.800
Phải trả cho Ban Đại diện Quỹ	8.178.369.535	894.525.371	8.178.369.535	894.525.371
Phải trả khác	45.048.000	97.929.600	45.048.000	97.929.600
Phải trả khác	1.181.498.000	171.543.096	1.181.498.000	171.543.096
Tổng cộng	9.404.915.535	1.708.012.867	9.404.915.535	1.708.012.867

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản đó có thể được trao đổi, hoặc một khoản phải trả được thanh toán giữa các bên độc lập, am hiểu và tự nguyện, đảm bảo nguyên tắc lợi ích thông thường của giao dịch tại ngày đánh giá lại.

Quý sử dụng các phương pháp và giả định sau trong việc ước tính giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của các chứng khoán niêm yết được tính dựa trên giá thị trường của chứng khoán đó tại ngày lập bảng báo cáo tài chính được tham khảo từ Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- Giá trị hợp lý của chứng khoán chưa niêm yết là giá bình quân trên cơ sở giá giao dịch tại ngày lập báo cáo tài chính được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ hoặc Ngân hàng Giám sát hoặc giá mua trung bình của Quỹ tính đến thời điểm định giá.
- Giá trị hợp lý của quyền mua chứng khoán được tính dựa trên giá thị trường của chứng khoán liên quan tại ngày lập bảng cân đối kế toán trừ đi giá thực hiện quyền nhân với tỷ lệ thực hiện quyền. Trường hợp giá thị trường của chứng khoán liên quan thấp hơn giá thực hiện quyền, giá trị của quyền bằng không.
- Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng giá trị thực tế tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 do các công cụ tài chính này có kỳ hạn ngắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

15 PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các báo cáo tài chính được phê chuẩn bởi Công ty Quản lý Quỹ và được xác nhận bởi Ngân hàng Giám sát ngày 15 tháng 1 năm 2014.

Ngân hàng Giám sát
Xác nhận bởi:



Lê Thị Thành Tâm
Giám Đốc Dịch Vụ Quản Lý Quỹ
Bộ Phận Dịch Vụ Chứng Khoán HSBC

Ngân hàng TNHH một thành viên
HSBC (Việt Nam)

Lập bởi:

Khúc Thị Kiều
Kế toán trưởng
Công ty Cổ phần
Quản lý Quỹ Đầu tư
Chứng khoán Bản Việt

Công ty Quản lý Quỹ

Được duyệt bởi:



Nguyễn Khánh Linh
Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần
Quản lý Quỹ Đầu tư
Chứng khoán Bản Việt